

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/02/2021

V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hương.

**- *Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Dương Thị Hạnh và ông Nguyễn Thành Nhật.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thu Uyên.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.

Trú tại: Xóm LĐ, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Nùng; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm LĐ, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(vắng mặt lần 2 không có lý do)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Bà Lê Thúy Hằng – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khai:** Anh và chị B kết hôn năm 2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi cưới được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc, sau khi cưới ở chung với mẹ đẻ anh đến nay, trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên vài năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chị B ra ngoài làm ăn không quan tâm đến chồng con, không chăm lo cuộc sống cho gia đình, không có ý định về sống cùng anh nữa, bản thân anh là đàn ông một mình nuôi con khôn lớn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, gây ảnh hưởng đến công việc cũng như tâm lý của các con nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị B. Về con chung: Anh T và chị B có 2 con chung là Nguyễn Tuấn Đ sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn Th sinh năm 2007 hiện nay các con đang sống cùng anh, anh tôn trọng nguyện vọng của các con ở với ai người đó sẽ có trách nhiệm nuôi con. Nếu các con có nguyện vọng ở cùng anh, anh sẽ có trách nhiệm nuôi con không yêu cầu chị B đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tài sản chung có một ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 80m<sup>2</sup> làm trên đất thổ cư, đất ruộng khoảng 2.200m<sup>2</sup>, đất màu khoảng 7000m<sup>2</sup> và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Anh và chị B tự thỏa thuận chia nhau, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn chị Nguyễn Thị B:** Sau khi nhận được đơn khởi kiện của anh T quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án nhân dân huyện VN đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị B trốn tránh không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 08/01/2021, Tòa án nhân dân huyện VN đã tiến hành xác minh tại UBND xã TX, Công an xã TX, ban xóm LĐ và gia đình chị B xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho chị B, hiện nay chị B vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu tạm vắng đi đâu, các giấy triệu tập gia đình nhận đã thông báo cho chị B biết. Do vậy HĐXX vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh T phát biểu quan điểm như sau:**

Qua nghiên cứu hồ sơ và xét yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết của ông T nhận thấy: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn năm 2003, có hai con chung sinh năm 2004 và sinh năm 2007. Trong quá trình chung sống cả 2 không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, những năm gần đây chị B đi làm xa nhà, bỏ bê chồng con, không có quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình. Ông T và gia đình đã khuyên bảo, mong chị B quay về cùng nhau nuôi các con khôn lớn nhưng chị B không nghe, do vậy ông T làm đơn xin được ly hôn. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, chị B không hợp tác, Tòa án đã

triệu tập nhưng vắng mặt, hai cháu Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn Th, sinh năm 2007 có đơn thể hiện nguyện vọng muốn ở với ông T sau khi ly hôn. Về tài sản chung ông T tự thỏa thuận với bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Từ những điều nêu trên, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh T đề nghị HĐXX xem xét cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị B, giao hai con cho ông T nuôi dưỡng, ông T không đề nghị chị B tiền cấp dưỡng nuôi con. Về phân tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

**Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:** Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

*Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

*Việc giải quyết vụ án:* Xét thấy anh T và chị B kết hôn năm 2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị B. Về con chung cháu Nguyễn Tuấn Đ sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn Th sinh năm 2007 hiện nay đang sống cùng anh T các cháu đều có nguyện vọng sống cùng anh T nên giao cho anh T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con tạm hoãn cho chị B vì anh T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là chị Nguyễn Thị B có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm LĐ, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị B là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Bởi lẽ trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai bên chung sống vợ chồng không có mâu

thuần gì trăm trọng, tuy nhiên vài năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chị B ra ngoài làm ăn không quan tâm đến chồng con, không chăm lo cuộc sống cho gia đình, không có ý định về sống cùng anh nữa. Đồng thời gia đình hai bên cũng đã động viên chị B về nhà để vợ chồng anh chị hàn gắn cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị B không về, hiện nay vợ chồng anh chị đã ly thân từ 2018 đến nay.

Ngày 06/11/2020 Tòa án nhân dân huyện vn, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn đối với chị B. Ngày 08/01/2021, Toà án nhân dân huyện VN đã tiến hành xác minh tại UBND xã TX, Công an xã TX, ban xóm LĐ và gia đình chị B xác định được các giấy triệu tập của Toà án đã giao nhận hợp lệ cho chị B, xác định được hiện nay chị B vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển khẩu tạm vắng đi đâu. Các giấy triệu tập gia đình chị B đã nhận và thông báo cho chị B biết, nhưng chị B vẫn trốn tránh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị B bị sút mẻ ngày càng căng thẳng trầm trọng, mọi quan hệ vợ chồng đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T xin được ly hôn chị B.

[3]. Về con chung: Quá trình điều tra giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt chị B, cháu Nguyễn Tuấn Đ sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn Th sinh năm 2007 hiện nay đang sống cùng anh T các cháu đều có nguyện vọng sống cùng anh T. HĐXX xét thấy để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và cháu Th cần giao cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với chị B do anh T không yêu cầu, chị B có quyền đi lại thăm con chung.

[4]. Về tài sản chung: Tài sản chung anh chị có một ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 80m<sup>2</sup> làm trên đất thổ cư, đất ruộng khoảng 2.200m<sup>2</sup>, đất màu khoảng 7000m<sup>2</sup> và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Anh T đề nghị tự thỏa thuận chia nhau, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nợ chung: Anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[8]. Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

**Bởi lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

**1- Về quan hệ vợ chồng:** Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

**2- Về con chung:** Giao cho anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn Đ sinh ngày 14/5/2004 và Nguyễn Tuấn Th sinh ngày 04/12/2007 đến khi cháu Đ và cháu Th đủ 18 tuổi đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị B, chị B có quyền đi lại thăm con chung.

**3- Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

**4- Về án phí:** Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VN theo biên lai số 0007775 ngày 06 tháng 11 năm 2020.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã.

**Nơi nhận:**

- VKS, THA;
- UBND xã LM;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Hương**